

Bản án số: 101/2024/HS-ST

Ngày: 14/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Biều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Hào, Ông Phạm Ngọc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 23/10/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 30/10/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm: 1983. Tại: huyện N, tỉnh Nghệ An. Giới tính: Nam. Nơi thường trú: Xóm H, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Phạm Minh K (tại phiên tòa bị cáo khai con ông Phạm Minh K (Phạm Văn K1) đã chết, con bà Nguyễn Thị X. Vợ: Trần Thị L, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/6/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn N, sinh năm 2001, tại huyện B, tỉnh Sơn La. Giới tính: Nam. Nơi thường trú: Bản N, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lò Văn Đ, con bà Vì Thị T1. Vợ con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:** Ông Đặng Xuân L1, sinh năm 1964; Bà Trương Thị C, sinh năm 1965; chị Trần Thị L, sinh năm 1987; Đều trú tại: TDP S, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ ngày 11/8/2024, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H bắt quả tang Phạm Văn T và Lò Văn N đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại khu vực cổng nhà trọ thuộc tổ dân phố S, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Vật chứng thu giữ:

- Tại túi quần phía trước bên phải Phạm Văn T đang mặc 02 gói nilon (01 gói nilon màu hồng, 01 gói nilon màu trắng) bên trong chứa các cục, bột màu trắng (niêm phong ký hiệu MT1) và số tiền 500.000 đồng.

- Tại túi quần phía trước bên trái của Phạm Văn T đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, kèm 01 sim liên lạc.

- Tại túi quần phía sau bên trái của Lò Văn N đang mặc 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa các cục, bột màu trắng (niêm phong ký hiệu MT2).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T (nhà trọ của gia đình bà Trương Thị C, sinh năm 1965) tại TDP S, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên phát hiện thu giữ:

- Tại giường ngủ của T 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa các cục và bột màu trắng (niêm phong ký hiệu MT3).

- 01 cân tiểu ly, màu đen trên có chữ POCKET SCALE; 01 dao dục giấy màu đỏ, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

Bản kết luận giám định số 548/KL-KTHS(MT) ngày 14/8/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh H kết luận: Chất màu trắng dạng cục và bột niêm phong ký hiệu MT1, MT2, MT3 có khối lượng lần lượt là 0,922 gam; 0,811 gam và 8,719 gam là ma túy, loại Heroine (H).

Kết quả điều tra xác định: Vào khoảng 13 giờ ngày 11/8/2024, Lò Văn N đến nhà trọ của Phạm Văn T tại tổ dân phố S, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên để mua ma túy về sử dụng. Khi đến gần cổng nhà trọ, N gọi T, T đi từ nhà trọ mang theo 03 gói ma túy (heroine), N hỏi mua 200.000 đồng ma túy, T đồng ý rồi đưa cho N 01 gói heroine. Núi cầm gói ma túy cất trong túi quần thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. T thừa nhận bán ma túy cho Lò Văn N. Số ma túy còn lại thu giữ trên người và nơi ở của Phạm Văn T mua về để sử dụng và ai hỏi mua thì bán.

Nguồn gốc số ma túy thu giữ và bán cho N, T khai mua trước đó khoảng 10 ngày của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở khu vực giáp biên giới tỉnh Nghệ An với giá tiền 5.000.000 đồng.

Phạm Văn T và Lò Văn N còn khai nhận: Vào ngày 09 và 10/8/2024, T đã 02 lần bán 02 gói ma túy (heroine) cho N với tổng số tiền là 200.000 đồng. Núi khai nhận đã sử dụng hết 2 gói ma túy mua của T. Do không thu giữ được ma túy, không xác định được khối lượng ma túy nên Lò Văn N không đủ cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Văn T, do T không biết rõ tên, địa chỉ nên không đủ thông tin xác minh xử lý.

Về vật chứng và đồ vật thu giữ:

- 01 niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO kèm 01 sim liên lạc; 01 cân tiểu ly màu đen trên có chữ POCKET SCALE; 01 dao dọc giấy màu đỏ; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T hiện đang bảo quản tại Kho vật chứng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

- Số tiền 500.000 đồng đang gửi tại tài khoản chờ xử lý của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Cáo trạng số 95/CT-VKS-P1 ngày 22/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Lò Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn T, Lò Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Lò Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Văn T từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 548/KL- KTHS(MT) của Phòng K2 Công an tỉnh H; 01 cân tiểu ly màu đen trên có chữ POCKET SCALE; 01 dao dọc giấy màu đỏ.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn T 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO kèm 01 sim liên lạc, số tiền 100.000 đồng.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Phạm Văn T số tiền 400.000 đồng.

* Các bị cáo nhất trí, không tranh luận bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai của bị cáo Phạm Văn T, Lò Văn N tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp khách quan với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét, Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định... Đủ căn cứ kết luận: Ngày 09 và 10/8/2024, Phạm Văn T đã 02 lần bán 02 gói heroine cho Lò Văn N được tổng số tiền 200.000 đồng, N đã sử dụng hết. Tiếp đó hồi 13 giờ ngày 11/8/2024, Phạm Văn T đã bán 01 gói heroine khối lượng 0,811 gam với số tiền 200.000 đồng cho Lò Văn N sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, còn thu giữ trên người và khám xét nơi ở của Phạm Văn T tổng 9,641 gam ma túy (heroine), T cất giấu để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Bản thân các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy (heroine) là chất gây nghiện, mọi hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng đều bị pháp luật cấm, nhưng vì động cơ lợi nhuận và nhu cầu cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi nêu trên. Hành vi của Phạm Văn T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy; hành vi của Lò Văn N đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Phạm Văn T đã 03 lần bán heroine cho Lò Văn N và phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng 10,452 gam ma túy (heroine); Lò Văn N chịu trách nhiệm hình sự 0,811 gam ma túy (heroine). Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Phạm Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Lò Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện. Các bị cáo là người nghiện chất ma túy nên biết rõ tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy cũng như hậu quả và hệ lụy do ma túy để lại đối với sức khỏe, kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội. Mặt khác, từ việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội và sự bất bình trong dư luận nhân dân tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:*

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Đặc điểm nhân thân:* Bị cáo Phạm Văn T có nhân thân xấu đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Lò Văn N có nhân thân tốt.

[5]. *Về hình phạt:* Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

* *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. *Về biện pháp tư pháp:*

- Đối với 01 niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 548/KL-KTHS(MT) của Phòng K2 Công an tỉnh H; 01 cân tiểu ly màu đen trên có chữ POCKET SCALE; 01 dao dọc giấy màu đỏ là vật nhà nước nghiêm cấm mua bán, tàng trữ, sử dụng và là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu, cho tiêu hủy.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO bên trong có 01 sim không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo Phạm Văn T.

- Đối với số tiền 500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo T, trong đó có 400.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy mà có nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước; 100.000 đồng còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo Phạm Văn T.

[7]. *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh và hình phạt:*

- Căn cứ: điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn N.

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Lò Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2024.

+ Bị cáo Lò Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2024.

[2]. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 548/KL- KTHS(MT) của Phòng K2 Công an tỉnh H; 01 cân tiểu ly màu đen trên có chữ POCKET SCALE; 01 dao dọc giấy màu đỏ.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Phạm Văn T số tiền 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn đồng*).

- Trả lại bị cáo Phạm Văn T: 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO bên trong lắp 01 sim và số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*).

(*Đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên*).

[3]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T, Lò Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, VP, THS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Biểu

